

Số: 990/2024/QĐST-HNGĐ

Biên Hòa, ngày 24 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA – TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 1362/2024/TLST-VHNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- **Người yêu cầu:**

1. Bà **Phạm Thị Thanh T**, sinh năm 1982.

Địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

2. Ông **Trần Thanh P**, sinh năm 1982

Địa chỉ cư trú: **Số A, ấp P, xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 14 tháng 5 năm 2024, ông **Trần Thanh P** và bà **Phạm Thị Thanh T** cùng nộp đơn yêu cầu “công nhận thuận tình ly hôn”. Quá trình vận động hòa giải, ông **P**, bà **T** thống nhất không hòa giải đoàn tụ; Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, và ghi nhận thuận tình ly hôn vào ngày 14/6/2024. Ông **P**, bà **T** cùng cư trú tại **thành phố B, tỉnh Đồng Nai** và đã nộp tiền tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự. Do đó, đơn yêu cầu của ông **P**, bà **T** được Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thụ lý và giải quyết là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung đơn yêu cầu:

Ông **P** và bà **T** chung sống với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân **xã L, thành phố B, tỉnh Đồng Nai** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01/2002 ngày 16/11/2002. Ông **P**, bà **T** xác định có 01 con chung là cháu **Trần Thị Thảo L, sinh ngày 24/9/2002**. Ông **P**, bà **T** xác định con

chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P, bà T xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình chung sống Ông P, bà T thừa nhận hai bên phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống không hạnh phúc. Ông P, bà T xác định tình cảm không còn, không đồng ý hòa giải đoàn tụ mà đề nghị Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn.

Xét thấy ông P, bà T thực sự tự nguyện ly hôn. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông P, bà T.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Trần Thanh P và bà Phạm Thị Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông P và bà T xác định có 01 con chung là cháu Trần Thị Thảo L, sinh ngày 24/9/2002. Ông P và bà T xác định con chung đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà T xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Ông Trần Thanh P và bà Phạm Thị Thanh T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng lệ phí ông P và bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0003860 ngày 21/5/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; ông P và bà T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND xã Long Hưng, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Huệ